

Thứ sáu, ngày 2 tháng 8 năm 2019

Vietnam Daily Review

Tâm lý tiêu cực

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 05/08/2019		•	
Tuần 5/8-9/8/2019		•	
Tháng 8/2019		•	

Nhận định:

Thị trường: Ngay từ phiên sáng, VN-Index giảm mạnh do áp lực bán gia tăng ở các mã bluechips như VHM, VIC, GAS, VCB. Trong phiên chiều, chỉ số có tín hiệu hồi phục nhẹ và giữ vững mốc 990 điểm nhờ lực kéo của các mã VPB, BID, NVL. Thị trường có phiên giao dịch âm đậm theo xu hướng chung trong khu vực trước tuyên bố của Tổng thống Trump về việc áp thuế 10% lên 300 tỷ USD hàng hóa Trung Quốc bắt đầu từ ngày 1/9. Bên cạnh đó, việc một số quỹ đầu tư theo VN30 hoán đổi danh mục để chuẩn bị cho những thay đổi trong rổ VN30 cũng khiến cho thị trường biến động trong phiên hôm nay. **Với tình trạng căng thẳng chiến tranh thương mại trở lại, dòng tiền thị trường nhiều khả năng sẽ chảy vào dòng cổ phiếu hưởng lợi từ chiến tranh thương mại (Dệt May, Cảng và Khu Công Nghiệp).** BSC khuyến nghị nhà đầu tư chỉ nên theo dõi và mở vị thế với những cổ phiếu cơ bản tốt thuộc các nhóm ngành trên.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo đà giảm của chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp bán ở quanh ngưỡng giá 883 điểm với các hợp đồng ngắn hạn và nên ưu tiên những nhịp mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 891 điểm cho các hợp đồng dài hạn hơn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 02/08/2019, thị trường chứng quyền diễn biến âm đậm khi hầu hết các mã đều giảm theo đà giảm của chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm. Các chỉ báo kỹ thuật đang cho thấy xu hướng tích lũy trong trung hạn ở hầu hết các chứng khoán cơ sở. Thị trường chứng quyền có thể tiếp tục diễn biến giằng co trong những phiên tiếp theo.

Danh mục i-Invest: Theme Chiến tranh thương mại +1.6%.

Danh mục Chiến tranh thương mại gồm những công ty được hưởng lợi từ căng thẳng Mỹ - Trung hôm nay có hiệu suất tích cực +1.6% so với VN-Index nhờ chính sách thuế mới của Tổng thống Trump. Tuy nhiên điều này lại khiến hiệu suất danh mục Dầu khí giảm -1.0%.

Phân tích kỹ thuật: TCM_Hồi phục vững chắc (Trang 2)

Điểm nhấn:

- VN-Index **-6.29 điểm**, đóng cửa 991.10. HNX-Index **-0.18 điểm**, đóng cửa 103.70.
- Kéo chỉ số tăng: **VPB (+0.41); BID (+0.36); NVL (+0.25); PNJ (+0.15); FPT (+0.09).**
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-1.86); VCB (-1.52); GAS (-1.28); VRE (-0.51); HVN (-0.49).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,260.59 tỷ đồng**, +12.72% so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 5.7 điểm. Thị trường có 144 mã tăng và 169 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **201.61 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VJC (109.4 tỷ), HPG (46.02 tỷ) và BVH (42.83 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **6.52 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

VN-INDEX **991.10**Giá trị: 3260.59 tỷ **-6.29 (-0.63%)**

Khối ngoại (ròng): -201.61 tỷ

HNX-INDEX **103.70**Giá trị: 370.39 tỷ **-0.18 (-0.17%)**

Khối ngoại (ròng): 6.52 tỷ

UPCOM-INDEX **58.58**Giá trị: 375.52 tỷ **-0.26 (-0.44%)**

Khối ngoại(ròng): 24.46 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	54.8	1.63%
Giá vàng	1,437	-0.55%
Tỷ giá USD/VND	23,226	0.10%
Tỷ giá EUR/VND	25,736	0.39%
Tỷ giá JPY/VND	21,743	0.59%
LS liên NH 1 tháng	3.3%	3.91%
LS TPCP 5 năm	3.6%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
PLX	22.4	VJC	109.5
MSN	18.2	HPG	46.0
HDB	14.8	BVH	42.7
CTD	12.4	BID	39.7
VHM	11.3	VNM	27.6

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường	Trang 1
Phân tích kỹ thuật	Trang 2
Tín hiệu hàng hóa	Trang 3
Câu chuyện cuối tuần	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
i-INVEST	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

Cập nhật hiệu suất i-Invest: Danh mục Theme

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Chiến tranh thương mại +1.6%

Danh mục Theme	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm
Chiến tranh thương mại	1.6%	-1.2%	-2.8%	0.9%	4.0%	15.7%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	1.4%	-0.5%	-1.1%	2.6%	9.6%	22.2%
Hàng tiêu dùng	1.0%	1.2%	3.6%	3.4%	9.5%	13.5%
BĐS & Khu công nghiệp	0.5%	1.2%	2.1%	1.3%	6.6%	4.1%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.0%	0.6%	3.6%	4.2%	7.5%	9.2%
Vật liệu Xây dựng	0.0%	-2.0%	1.2%	-1.4%	10.1%	9.1%
Xây dựng & Vật liệu XD	0.0%	-1.9%	-1.1%	-4.9%	3.3%	-4.8%
Nước & Năng lượng	-0.2%	-2.1%	-2.9%	-1.2%	6.4%	17.6%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.3%	-2.9%	-2.1%	-4.1%	2.9%	-0.7%
Xây dựng	-0.3%	-2.2%	-2.4%	-1.4%	-4.6%	-12.0%
Ngân hàng	-0.3%	-1.5%	4.9%	1.3%	5.5%	2.0%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.8%	-0.3%	2.7%	0.3%	10.5%	5.0%
Dầu khí	-1.0%	-0.8%	1.6%	-0.1%	15.6%	14.7%
VNINDEX	-0.6%	-0.2%	3.2%	1.7%	9.1%	3.9%
VN30INDEX	-0.2%	-0.3%	1.4%	-1.1%	3.0%	-5.8%

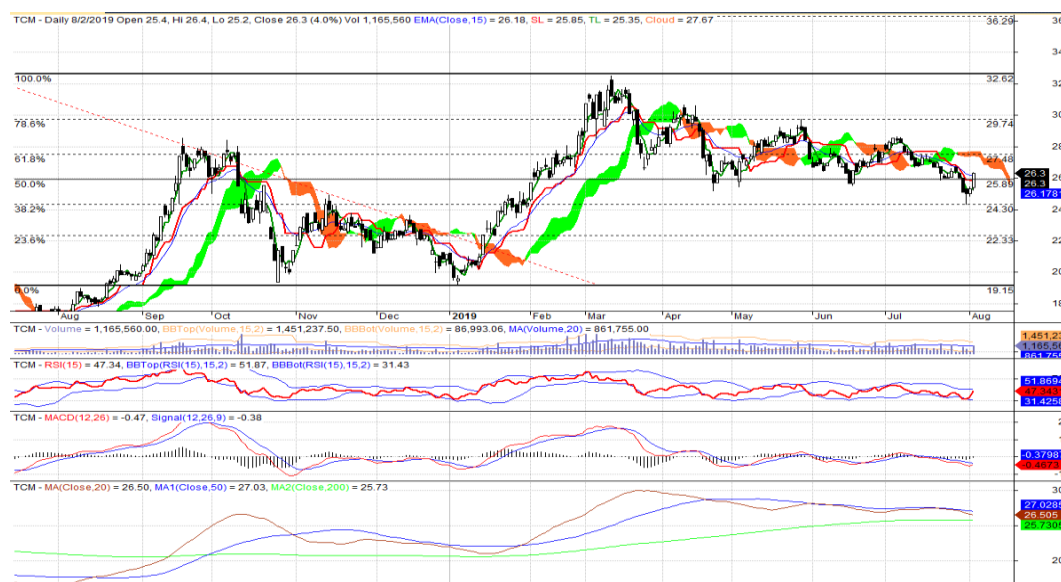
Phân tích kỹ thuật

TCM_Hồi phục vững chắc

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ trung tính, MACD có dấu hiệu đảo chiều sang xu hướng tích cực và chỉ vượt ngưỡng trung bình 20 phiên.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, RSI áp sát kênh bollinger trên.
- Đường MA20 và MA50 nằm trong xu hướng giảm trong khi MA200 đang đi ngang.

Nhận định: Cổ phiếu TCM đang nằm trong xu hướng hồi phục sau khi chạm ngưỡng đáy 24.3 (Fibonacci 38.2%). Thanh khoản tăng mạnh đồng thuận với nhịp tăng của bước giá trong hai phiên gần nhất và đã vượt ngưỡng trung bình 20 phiên. Chỉ báo MACD đã có tín hiệu đảo chiều sang xu hướng tích cực và chỉ báo RSI đang cho thấy vị thế tăng giá. Đường giá cổ phiếu tuy vẫn nằm dưới dải mây Ichimoku cho thấy xu hướng hồi phục mạnh trong trung hạn chưa được xác lập. Như vậy, TCM sẽ kiểm tra lại vùng kháng cự 32- 32.5 trong các phiên giao dịch tới.

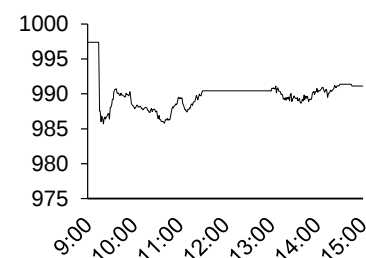


Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Hình 1

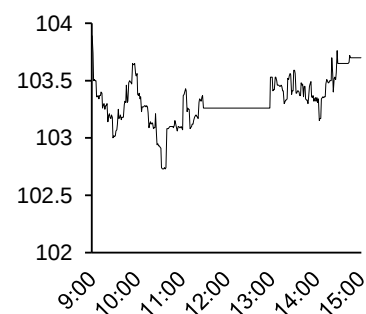
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Vận động ngành trong ngày

Ngành	%±
Điện, nước & xăng dầu khí c	-1.45%
Du lịch và Giải trí	-1.39%
Bảo hiểm	-0.96%
Bất động sản	-0.82%
Thực phẩm và đồ uống	-0.51%
Ngân hàng	-0.47%
Tài nguyên Cơ bản	-0.46%
Dịch vụ tài chính	-0.46%
Bán lẻ	-0.42%
Ô tô và phụ tùng	-0.36%
Dầu khí	-0.33%
Y tế	-0.12%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.07%
Truyền thông	0.19%
Hóa chất	0.84%
Xây dựng và Vật liệu	0.98%
Công nghệ Thông tin	1.05%
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.81%

Nguồn: FiinPro

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 02/08/2019

*Mặt hàng	DVT	Sáng 02/08	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	54.42	1.06%	-2.81%	-3.21%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	61.23	1.16%	-3.37%	-1.84%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.76	-7.32%	-6.21%	-5.71%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1439.32	1.81%	1.81%	1.52%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	16.35	0.46%	-0.31%	6.82%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	849.16	-1.79%	-3.78%	-3.09%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	479.10	-1.64%	-3.99%	-4.75%		AFX
Sữa	USD /cwt	17.22	-0.17%	-1.37%	5.84%	VNM, GTN, QNS	KDC
Cao su	JPY/kg	206.90	-4.57%	-10.04%	-10.04%	DPR, PHR, HAG, HNG	SRC, CSM, DRC
Đường	US cent/lb	12.14	-0.57%	1.00%	-1.86%	SBT, LSS, SLS, QNS,	VNM, GTN, QNS
Chè	USD/kg	2.87	0.00%	13.89%	20.08%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	97.25	-2.41%	-3.38%	-10.16%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.62	-1.62%	-2.99%	-1.60%	MSN, ACM, BGM	CAV. SAM, TGP, VTH
Thép	CNY/ton	3928.00	-3.82%	-2.65%	2.03%	HSG, HPG, NKG	PC1. CTD, HBC
Nhôm	USD/ton	1799.00	-0.22%	-1.48%	0.28%		CAV. SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	USD/ton	121.00	2.54%	4.31%	2.54%	HLC, NBC, TNT, THT	HT1, BCC, PPC, POW
Than đá	USD/ton	74.80	0.61%	-0.07%	5.32%	HSG, HPG, NKG	HSG, HPG, NKG

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 9/2019 đóng cửa ngày 01/08 giảm 4.55 USD, tương đương 6.99%, xuống 60.50 USD/thùng.
- Dầu thô Tây Texas WTI cùng kỳ hạn giảm 4.63 USD, tương đương 7.9% xuống 53.95 USD/thùng.
- Giá dầu đã giảm hơn 7% trong phiên vừa qua, trở thành phiên giảm mạnh nhất trong vòng hơn 4 năm, sau khi Tổng thống Trump cho biết sẽ áp thuế mới lên hàng hóa Trung Quốc. Căng thẳng thương mại Mỹ - Trung nóng lên gây lo ngại nhu cầu dầu mỏ thế giới sẽ càng thêm yếu đi giữa lúc thị trường dầu đang chịu nhiều áp lực, bao gồm việc Chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang Mỹ vừa quyết định hạ lãi suất nhưng tuyên bố động thái này không phải là sự khởi đầu cho những đợt hạ lãi suất tiếp theo và sản lượng dầu thô của Mỹ vẫn duy trì mức cao gần kỷ lục.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 1.9% lên 1,440.20 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 8/2019 của Mỹ gần cuối phiên có lúc tăng chạm 1,450.90 USD/ounce. Đầu phiên này, có lúc giá vàng đã giảm mức thấp nhất kể từ 17/4/2019 là 1.400,31 USD/ounce do USD tăng mạnh.
- Trái ngược với dầu, giá vàng tăng mạnh sau tuyên bố của ông Trump vì điều đó đồng nghĩa căng thẳng thương mại giữa 2 nước gia tăng khiến đồng USD 2% giảm khỏi mức cao nhất 2 năm và lợi suất trái phiếu chính phủ cũng giảm. Tuyên bố của ông Trump đã đảo ngược cả xu hướng đồng USD lẫn giá vàng.

Giá thép

- Kết thúc phiên giao dịch vừa qua, thép cây kỳ hạn tháng 10/2019 giảm 1,6% xuống 3.846 CNY (557,64 USD)/tấn; thép cuộn cán nóng cũng giảm 0,9% xuống 3.781 CNY/tấn – là mức thấp nhất kể từ 21/6/2019 đối với cả 2 hợp đồng này.
- Giá thép trên thị trường Trung Quốc giảm do dự báo tồn trữ tại đây sẽ tăng lên trong khi nhu cầu trong nước vẫn yếu. Tồn trữ thép tại Trung Quốc tới 36/7/2019 đạt 12,6 triệu tấn, cao nhất trong vòng 3 tháng và tăng 27% so với một năm trước đó.

Giá nông sản

- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 9/2019 kết thúc phiên giảm 2.4 US cent tương đương 2.4% xuống 97.25 USD/lb. Giá cà phê arabica trên sàn New York chạm mức thấp nhất 6 tuần do đồng real Brazil yếu đi. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 9/2019 giảm 31 USD tương đương 2.3% xuống 1,307 USD/tấn.
- Đối với loại 5% tấm, gạo Việt Nam giảm từ 350 USD/tấn xuống 340 – 350 USD/tấn, trong khi đó gạo Thái Lan tăng từ 390 – 395 USD/tấn lên 395 – 405 USD/tấn, và gạo Ấn Độ vững ở 381 – 284 USD/tấn.
- Tuần này, giá gạo xuất khẩu của Việt Nam giảm do có tin Philippines sẽ cấm nhập khẩu gạo trong giai đoạn họ thu hoạch lúa (tháng 9/2019) để đảm bảo thu nhập cho người trồng lúa. Trái lại, gạo Thái Lan tăng vì hạn hán lan rộng trong khi nhu cầu từ khách hàng nước ngoài vẫn duy trì ở mức thấp. Riêng gạo Ấn Độ vững giá trong bối cảnh nhu cầu từ khách hàng Châu Phi không nhiều.

Giá cao su

- Tại Sở giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM), giá cao su ngày 01/08/2019 kỳ hạn tháng 1/2020 giảm 1.7 JPY tương đương 1% xuống 175.3 JPY (1.61 USD)/kg. Trên sàn Thượng Hải, cao su kỳ hạn tháng 9/2019 giảm 105 CNY xuống 10,565 CNY/tấn.
- Giá cao su tại Tokyo vẫn tiếp tục giảm phiên thứ 5 liên tiếp, xuống mức thấp nhất kể từ giữa tháng 7/2019, do lo ngại nhu cầu tại Trung Quốc sẽ yếu đi trong khi nguồn cung tại Châu Á dồi dào.

BÃY GÀ TÂY

Một ông lão đang tìm cách bắt lũ gà tây hoang trên cánh đồng làng. Ông ta có một cái bẫy gà tây, thiết bị thô sơ bao gồm một cái hộp lớn có cửa gắn bản lề ở trên đỉnh. Cánh cửa này được giữ mở lên bằng một thanh chống có cột đoạn dây nối dài về phía sau tới chỗ người canh gác cái bẫy.

Một ít hạt bắp được rải dọc theo đường đi để nhử lũ gà tây vào bẫy. Khi thấy gà chui vào bẫy đã đủ, ông lão sẽ giật thanh chống ra để cánh cửa sập xuống. Một khi cánh cửa đã sập xuống, ông ta sẽ không thể mở nó trở lên mà không phải đi ra chỗ cái hộp và điều này sẽ làm lũ gà còn ẩn nấp bên ngoài bẫy sợ hãi và chạy mất.

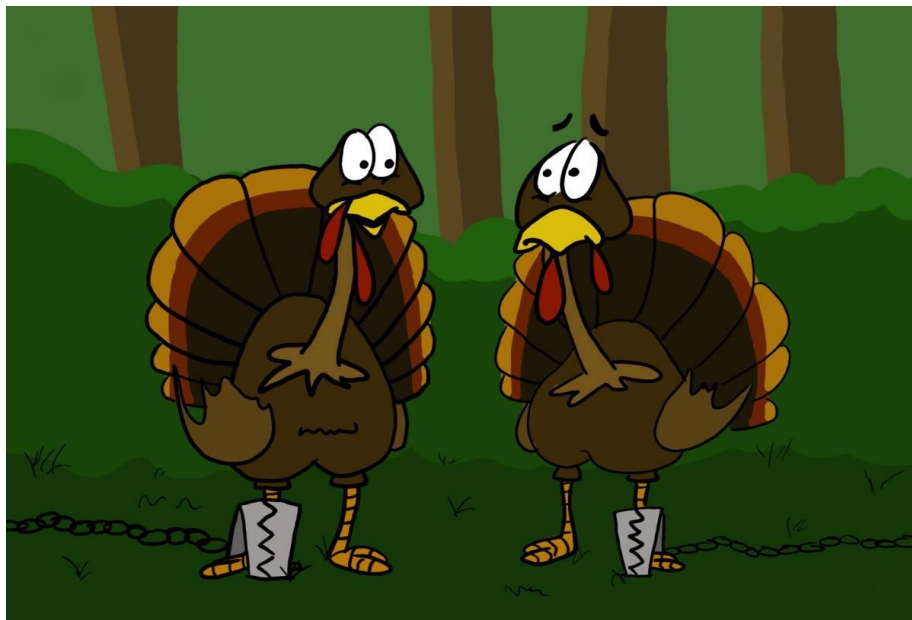
Một ngày kia có 12 con gà chui vào bẫy của ông ta. Sau đó 1 con bước ra, còn lại 11 con. "Uổng quá, phải chi mình giật sợi dây khi còn đủ 12 con ở trong đó," ông lão nghĩ, "Mình sẽ chờ thêm 1 phút, có thể con kia sẽ quay trở vào."

Trong khi ông lão đang chờ con gà tây thứ 12 quay lại, thêm 2 con nữa bước ra khỏi bẫy. "Đáng lẽ mình phải biết hài lòng với 11 con," người đặt bẫy nghĩ. "Ngay khi một con nữa quay trở lại, mình sẽ giật dây."

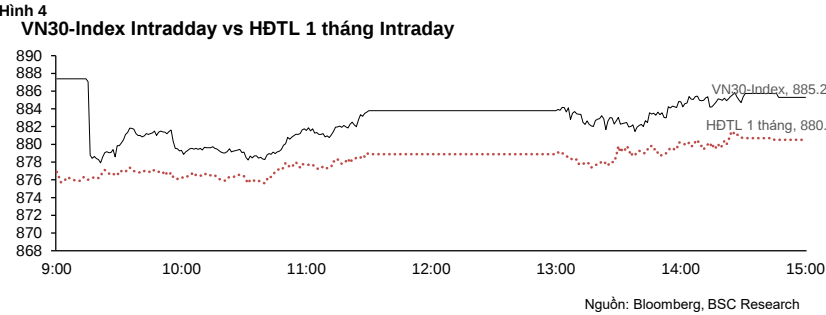
Thêm 3 con nữa bước ra ngoài, và người đàn ông vẫn chờ đợi. Đã từng chứng kiến 12 con gà tây trong bẫy của mình, ông không muốn về nhà với ít hơn 8 con gà. Ông không thể từ bỏ ý nghĩ rằng một vài con gà ban đầu sẽ quay trở lại. Đến khi cuối cùng chỉ còn một con gà tây duy nhất ở trong bẫy, ông ta nghĩ, "Mình sẽ đợi tới khi nào nó đi ra hoặc một con khác bước vào, rồi mình sẽ về."

Con gà tây cô độc còn lại chạy vội theo đàn, và ông lão trở về trắng tay.

Đây là một câu chuyện ngụ ngôn vui nhưng mỗi nhà đầu tư chứng khoán nên chú ý kỹ hơn để tránh vì lòng tham gặp phải những tình huống "trắng tay" như thế này. Vốn dĩ tâm lý của nhà đầu tư thông thường cũng không khác nhiều so với ông lão bẫy gà tây kia. Họ hy vọng nhiều gà tây sẽ quay lại cái hộp hơn là lo sợ rằng tất cả lũ gà còn lại sẽ bước ra và họ sẽ trắng tay.



Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 3
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	Chênh lệch	%	KLGD	Ngày tới hạn	Số ngày
VN30F1908	880.50	-0.23%	-4.79	-26.8%	91989	8/15/2019	13
VN30F1909	883.00	-0.06%	-2.29	-17.6%	346	9/19/2019	48
VN30F1912	887.60	-0.14%	2.31	-3.8%	50	12/19/2019	139
VN30F2003	887.70	-0.13%	2.41	-58.3%	10	3/19/2020	230

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm 2.10 điểm xuống mức 885.29 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VIC, MSN, VCB, TCB và VRE tác động mạnh đến xu hướng giảm của VN30. VN30 tiếp tục vận động tích lũy trong vùng giá 880-890 điểm.
- Các HĐTL đều giảm theo đà giảm của chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đều đang giảm. Xét về vị thế mở, VN30F1908 và VN30F2003 đang giảm trong khi VN30F190 và VN30F1912 đang tăng. Điều này cho thấy kỳ vọng giảm giá đang giảm trong ngắn hạn nhưng tăng trong trung hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán ở quanh ngưỡng giá 883 điểm với các hợp đồng ngắn hạn và nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 891 điểm cho các hợp đồng dài hạn hơn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Ngày đáo hạn	Thời gian còn lại	CR**	KI giao dịch	± Ngày	Độ lệch chuẩn
CMBB1902	HSC	12/17/2019	137	1:1	89,950	159.7%	21.30%
CFPT1902	SSI	9/30/2019	59	1:1	20,600	-48.8%	18.93%
CFPT1903	SSI	12/30/2019	150	1:1	16,150	-78.0%	18.93%
CHPG1905	SSI	12/30/2019	150	1:1	41,160	57.5%	29.96%
CPNJ1901	MBS	9/10/2019	39	5:1	39,650	-80.0%	22.75%
CMWG1902	VND	12/11/2019	131	4:1	13,600	-67.2%	20.87%
CMWG1903	HSC	12/30/2019	150	5:1	146,850	-33.5%	20.87%
CMWG1904	SSI	12/30/2019	150	1:1	14,920	-53.4%	20.87%
CHPG1904	SSI	9/30/2019	59	1:1	22,180	-47.9%	29.96%
CMWG1901	BSC	9/9/2019	38	4:1	17,320	-68.3%	20.87%
CVNM1901	KIS	12/13/2019	133	10:1	204,350	-15.4%	22.20%
CFPT1901	VND	9/11/2019	40	2:1	80,690	81.0%	18.93%
CHPG1902	KIS	12/11/2019	131	5:1	112,690	-56.1%	29.96%
CMBB1901	SSI	9/28/2019	57	1:1	69,430	102.2%	21.30%
CHPG1903	VPBS	9/12/2019	41	2:1	11,660	23.4%	29.96%
CHPG1901	MBS	9/10/2019	39	2:1	33,220	-33.1%	29.96%

Chú thích:
* Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
** Tỷ lệ chuyển đổi

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 02/08/2019, thị trường chứng quyền diễn biến ảm đạm khi hầu hết các mã đều giảm theo đà giảm của chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm.
- CHPG1901 và CHPG1903 giảm giá nhiều nhất lần lượt là 8.65% và 5.45%. Thanh khoản thị trường giảm 33.28%, CVNM1901 có khối lượng giao dịch nhiều nhất chiếm 22% thị trường.
- Các chứng quyền duy trì mức giá thị trường cao hơn so với mức giá lý thuyết, và có sự phân hóa về trạng thái. CMWG1904 và CMWG1901 tiếp tục là những chứng quyền có trạng thái lãi lớn nhất. CMWG1901 và CMWG1902 tiếp tục là những chứng quyền có tỷ suất sinh lời lớn nhất. Các chỉ báo kỹ thuật đang cho thấy xu hướng tích lũy trong trung hạn ở hầu hết các chứng khoán cơ sở. Thị trường chứng quyền có thể tiếp tục diễn biến giảm do trong những phiên tiếp theo.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 1
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VPB	19.05	2.97	1.35
PNJ	80.40	2.81	0.56
NVL	60.10	1.52	0.42
FPT	48.80	0.93	0.35
STB	10.60	0.95	0.24

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 2
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VIC	122.5	-1.53	-1.14
MSN	79.0	-1.37	-0.73
VCB	79.1	-1.74	-0.59
TCB	20.6	-0.72	-0.49
VRE	36.3	-2.03	-0.47

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Giá phát hành	Giá chứng quyền	± Ngày	Giá Lý thuyết *
3,200	3,500	12.18%	1,451
3,800	4,950	6.45%	3,180
6,000	7,200	6.04%	4,250
3,300	3,160	1.61%	1,712
1,700	2,330	0.87%	452
2,990	5,730	0.00%	5,075
2,700	4,500	-0.66%	3,226
14,000	23,800	-0.87%	20,603
2,200	1,750	-1.69%	949
2,000	5,090	-2.68%	5,162
1,200	930	-3.13%	35
1,900	2,800	-3.45%	1,875
1,000	520	-5.45%	0
1,900	2,400	-6.25%	1,670
1,500	850	-6.59%	354
1,200	950	-8.65%	405

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMWG1901	96,300	88,300	108,000
CHPG1901	47,999	22,900	22,450
CHPG1902	168,888	41,999	22,450
CHPG1903	22,100	23,200	22,450
CMBB1901	23,700	20,600	21,950
CMBB1902	26,300	21,800	21,950
CMWG1902	48,990	90,000	108,000
CPNJ1901	26,300	77,981	80,400
CVNM1901	47,200	158,888	124,000
CFPT1902	96,981	46,000	48,800
CFPT1903	57,000	46,000	48,800
CHPG1904	98,800	23,100	22,450
CHPG1905	93,300	23,100	22,450
CMWG1903	25,800	95,000	108,000
CMWG1904	165,000	90,000	108,000
CFPT1901	27,000	45,000	48,800

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	108.0	-0.5%	0.7	2,079	3.7	7,893	13.7	4.6	49.0%	38.6%
PNJ	Bán lẻ	80.4	2.8%	1.0	778	4.2	4,727	17.0	4.4	49.0%	27.9%
BVH	Bảo hiểm	83.0	-1.4%	1.3	2,529	1.0	1,503	55.2	3.8	25.7%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	36.4	0.0%	0.7	366	0.1	3,025	12.0	1.3	51.2%	10.6%
VIC	Bất động sản	122.5	-1.5%	1.1	17,821	2.6	1,673	73.2	5.0	15.0%	8.3%
VRE	Bất động sản	36.3	-2.0%	1.1	3,670	1.3	1,033	35.1	3.0	32.5%	8.8%
NVL	Bất động sản	60.1	1.5%	0.8	2,431	1.5	3,579	16.8	2.8	7.1%	17.8%
REE	Bất động sản	33.0	-0.9%	1.1	445	0.6	5,261	6.3	1.1	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	17.6	-0.3%	1.4	268	0.5	3,744	4.7	1.1	48.5%	27.0%
SSI	Chứng khoán	23.1	-1.1%	1.3	510	0.9	1,997	11.5	1.2	58.8%	10.9%
VCI	Chứng khoán	33.2	-0.3%	1.0	235	0.1	5,067	6.6	1.5	37.3%	24.7%
HCM	Chứng khoán	21.1	-1.2%	1.4	280	0.7	1,434	14.7	1.5	57.0%	11.1%
FPT	Công nghệ	48.8	0.9%	0.8	1,439	3.1	4,349	11.2	2.5	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	40.0	-0.7%	0.4	433	0.0	3,778	10.6	2.7	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	106.0	-2.1%	1.5	8,821	2.0	6,019	17.6	4.5	3.7%	26.9%
PLX	Dầu khí	65.0	0.0%	1.5	3,309	2.7	3,271	19.9	3.4	13.1%	18.2%
PVS	Dầu khí	21.9	-1.4%	1.7	455	3.4	2,351	9.3	0.9	24.1%	9.8%
BSR	Dầu khí	10.9	-0.9%	0.8	1,469	0.6	1,163	9.4	1.1	41.1%	11.0%
DHG	Dược	95.0	-1.6%	0.5	540	0.3	4,602	20.6	4.1	54.2%	20.2%
DPM	Hóa chất	14.0	-2.4%	0.7	238	0.3	838	16.7	0.7	20.2%	4.9%
DCM	Hóa chất	8.2	-1.0%	0.7	188	0.1	894	9.1	0.7	2.6%	7.6%
VCB	Ngân hàng	79.1	-1.7%	1.3	12,755	2.3	4,730	16.7	3.8	23.9%	25.4%
BID	Ngân hàng	35.8	1.0%	1.5	5,321	2.8	2,107	17.0	2.2	3.2%	13.8%
CTG	Ngân hàng	20.4	-0.2%	1.6	3,294	2.9	1,470	13.8	1.1	30.0%	7.8%
VPB	Ngân hàng	19.1	3.0%	1.2	2,035	3.2	2,965	6.4	1.2	23.2%	20.6%
MBB	Ngân hàng	22.0	-0.2%	1.1	2,017	3.3	3,215	6.8	1.4	20.0%	21.7%
ACB	Ngân hàng	22.3	-0.9%	1.1	1,572	1.7	3,438	6.5	1.5	34.3%	26.4%
BMP	Nhựa	48.9	0.4%	0.9	174	0.2	5,040	9.7	1.7	76.6%	17.2%
NTP	Nhựa	38.0	-3.3%	0.4	147	0.1	4,490	8.5	1.4	21.0%	18.0%
MSR	Tài nguyên	17.0	-0.6%	1.2	665	0.0	732	23.2	1.3	2.0%	5.6%
HPG	Thép	22.5	-0.7%	1.0	2,695	6.9	2,898	7.7	1.4	38.6%	19.9%
HSG	Thép	7.3	-0.1%	1.5	134	0.6	425	17.2	0.6	17.7%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	124.0	-0.2%	0.7	9,388	2.5	5,465	22.7	7.6	59.0%	35.0%
SAB	Tiêu dùng	280.0	-0.5%	0.8	7,807	0.4	6,735	41.6	10.2	63.4%	27.1%
MSN	Tiêu dùng	79.0	-1.4%	1.2	4,015	1.1	3,304	23.9	3.0	40.4%	15.6%
SBT	Tiêu dùng	16.8	0.3%	0.6	384	0.9	542	31.0	1.5	6.0%	4.9%
ACV	Vận tải	82.5	-0.8%	0.8	7,809	0.2	2,630	31.4	5.9	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	132.4	-0.5%	1.1	3,118	4.3	9,850	13.4	5.1	20.3%	43.3%
HVN	Vận tải	40.0	-2.9%	1.7	2,467	1.7	1,747	22.9	3.1	10.1%	13.4%
GMD	Vận tải	26.0	1.2%	0.8	336	0.5	1,888	13.8	1.3	49.0%	9.4%
PVT	Vận tải	18.3	-0.8%	0.7	224	0.7	2,505	7.3	1.3	31.1%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	85.0	4.8%	0.9	579	2.9	7,458	11.4	4.3	2.7%	44.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.1	0.0%	0.9	372	0.4	1,333	14.3	1.3	13.0%	9.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.6	-1.0%	0.8	258	0.1	1,657	9.4	1.1	6.4%	11.7%
CTD	Xây dựng	113.0	0.9%	0.7	375	0.7	13,465	8.4	1.1	49.0%	13.4%
VCG	Xây dựng	27.0	2.7%	1.2	519	0.5	1,307	20.7	1.9	0.0%	9.7%
CII	Xây dựng	21.8	0.0%	0.4	235	0.9	485	45.0	1.1	53.0%	2.4%
POW	Điện	14.0	0.7%	0.6	1,425	1.3	820	17.1	1.3	15.0%	7.8%
NT2	Điện	25.0	-1.2%	0.6	313	0.3	2,241	11.2	1.8	22.5%	16.9%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VPB	19.05	2.97	0.40	3.84MLN
BID	35.80	0.99	0.35	1.82MLN
NVL	60.10	1.52	0.25	566240.00
PNJ	80.40	2.81	0.15	1.21MLN
FPT	48.80	0.93	0.09	1.45MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCS	85.00	4.81	0.13	794900.00
TNG	19.70	5.91	0.05	1.53MLN
VCG	27.00	2.66	0.05	405600.00
DGC	31.60	1.61	0.04	205100.00
NVB	7.80	1.30	0.03	296600.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	122.50	-1.53	-1.88	483120.00
VCB	79.10	-1.74	-1.54	680000.00
GAS	106.00	-2.12	-1.30	436240.00
VRE	36.25	-2.03	-0.52	826290.00
HVN	40.00	-2.91	-0.50	949220.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	22.30	-0.89	-0.34	1.77MLN
OCH	7.80	-9.30	-0.08	2100.00
PVS	21.90	-1.35	-0.08	3.61MLN
NTP	38.00	-3.31	-0.04	47900.00
HUT	2.20	-4.35	-0.02	1.38MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DMC	78.00	7.00	0.05	28350.00
KSB	22.95	6.99	0.02	691300.00
CLW	19.90	6.99	0.01	7590.00
TRC	39.15	6.97	0.02	182980.00
TCO	8.78	6.94	0.00	20.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SPI	0.90	12.5	0.00	3600.00
DST	1.00	11.1	0.00	3800.00
PPY	14.30	10.0	0.00	100.00
PVL	2.20	10.0	0.01	128400.00
DTD	14.50	9.9	0.02	149400.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TAC	26.00	-9.09	-0.03	2380.00
PGD	31.00	-7.60	-0.07	4880.00
NAV	8.37	-7.00	0.00	910.00
VNE	3.21	-6.96	-0.01	340030.00
VNL	14.90	-6.88	0.00	10.00

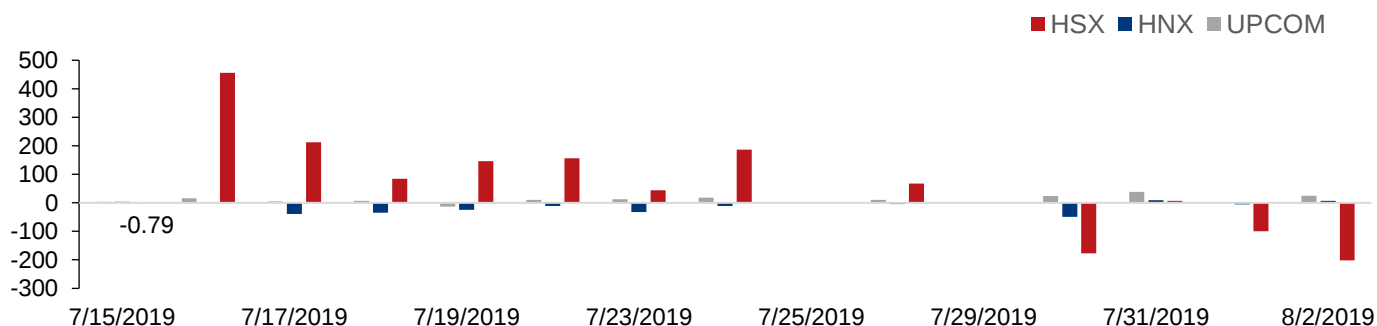
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
KSK	0.20	-33.33	0.00	218900.00
ACM	0.40	-20.00	-0.01	396500.00
DPS	0.40	-20.00	0.00	69600.00
NHP	0.40	-20.00	0.00	90500.00
CAN	33.30	-10.00	-0.01	100.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồ	Phân tích vĩ mô		Click
3	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
4	2019M2_Biến động giằng co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
5	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
7	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
8	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
10	VM_M11_Giao dịch giằng co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
12	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click
13	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
14	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click
17	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click
18	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ mô 2018M5_Phục hồi từ hoạt động đầu tư cơ	Phân tích vĩ mô		Click
20	tin_20180503	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

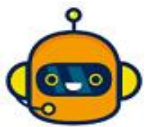
STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	VEA	Máy công nghiệp	Theo dõi	1/7/2019	58.0	61.4	59.3	5,276	11.2	3.2	Click
2	VSC	Cảng biển	Theo dõi	24/06/2019	31.8	34.6	27.9	4,234	6.6	0.9	Click
3	ACB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	28.6	32.7	22.3	3,438	6.5	1.5	Click
4	VIB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	16.6	21.6	18.8	3,754	5.0	1.4	Click
5	HSG	Thép	Theo dõi	24/06/2019	7.7	9.0	7.3	425	17.2	0.6	Click
6	FRT	Bán lẻ	Theo dõi	20/06/2019	56.0		50.0	4,314	11.6	3.4	Click
7	MSN	Thực phẩm	Theo dõi	20/06/2019	82.8	89.8	79.0	3,304	23.9	3.0	Click
8	SCS	Hàng không	Theo dõi	11/6/2019	159.9	167.0	157.0	7,716	20.3	10.5	Click
9	GMD	Cảng biển	Theo dõi	11/6/2019	26.3	28.9	26.0	1,888	13.8	1.3	Click
10	MWG	Bán lẻ	Mua	10/6/2019	88.3	132.1	108.0	7,893	13.7	4.6	Click
11	NLG	Bất động sản	Mua	24/05/2019	31.2	40.5	31.0	3,751	8.3	1.6	Click
12	BCC	Xi măng	Mua	17/05/2019	8.7	11.2	8.1	1,433	5.7	0.5	Click
13	VHC	Thủy sản	Mua	16/05/2019	92.8	108.5	89.0	18,452	4.8	1.8	Click
14	DRC	Cao su	Theo dõi	15/05/2019	22.4	25.1	19.5	1,294	15.1	1.5	Click
15	TNG	Dệt may	Theo dõi	8/5/2019	20.8	21.0	19.7	3,481	5.7	1.3	Click
16	LHG	Bất động sản	Mua	7/5/2019	18.6	25.5	18.1	2,655	6.8	0.8	Click
17	FPT	Phần mềm	Mua	3/5/2019	50.0	59.1	48.8	4,349	11.2	2.5	Click
18	DGW	Bán lẻ	Mua	8/4/2019	22.9	27.4	22.7	3,149	7.2	1.1	Click
19	HDG	Bất động sản	Mua	8/4/2019	42.5	58.0	37.3	8,518	4.4	2.2	Click
20	GEX	Thiết bị điện	Mua	1/4/2019	23.0	30.2	22.7	2,589	8.8	1.6	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express TLG 2019Q3	30/7/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 58515 ; Giá tại Publish 54000 Chúng tôi khuyến nghị THEO DÕI cổ phiếu TLG với giá mục tiêu 58,515 VND/cp, upside 4.5% với phương pháp định giá P/E. Chúng tôi đánh giá, TLG là cổ phiếu ổn định, cổ tức đều hàng năm cũng như không biến động nhiều về LN. BSC dự báo TLG sẽ ghi nhận DTT và LNST lần lượt đạt mức 3,255 tỷ VND (+13% yoy) và 330 tỷ VND (+12.1% yoy), EPS 2019 (đã trừ 5% quỹ KTPL) = 4,433 VND/cp.
Express BMI 2019Q3	30/7/2019	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 30100 ; Giá tại Publish 24000 BSC dự báo, BMI sẽ ghi nhận DTT từ hoạt động bảo hiểm đạt mức 3,214 tỷ VND (+1% yoy), LNST = 179 tỷ VND (+10% yoy), BVPS 2019 = 25,104 VND/cp. Định hướng của BMI Tỷ lệ bồi thường bảo hiểm xe cao (45%). Bảo hiểm sức khỏe: kế hoạch tăng trưởng 10%-12%/năm. Đầu tư Tập trung vào tiền gửi lãi suất sao (8%-8.4%), cao hơn nhiều so với kinh doanh trái phiếu.
Express STB 2019Q3	30/7/2019	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 14700 ; Giá tại Publish 11300 BSC dự báo STB sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt đạt mức 13,227 tỷ VND (+13.3% yoy) và 2,574 tỷ VND (+14.6% yoy), BVPS 2019 = 14,699 VND/cp. STB là cổ phiếu có thể mua và nắm giữ trong dài hạn nhờ (1) sự tích cực trong việc xử lý nợ xấu, (2) quy mô lớn, có sự phục hồi về LN.
Express PVI 2019Q3	30/7/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 40010 ; Giá tại Publish 37400 BSC dự báo, cho cả năm 2019, PVI sẽ ghi nhận DTT về hoạt động bảo hiểm và LNTT đạt mức 6,305 tỷ VND (+10.9% yoy) và 644 tỷ VND (+17% yoy). KQKD quý 2Q2019 tăng trưởng ấn tượng. Trong 2Q2019, PVI đã ghi nhận DTT từ hoạt động bảo hiểm và LNTT đạt mức 901 tỷ VND (-0.7% yoy) và 288 tỷ VND (+187.6% yoy).



BSC Invest
Your Money. You invest

- Bạn không có thời gian để đầu tư
- Bạn băn khoăn với biến động thị trường
- Bạn cần hỗ trợ để đầu tư hiệu quả

I-INVEST LÀ CÔNG CỤ BẠN ĐANG TÌM KIẾM

[Tìm hiểu thêm](#)

BSC i-Invest là nền tảng giao dịch trực tuyến kiểu mới dành cho khách hàng của BSC. Khác với phương thức quen thuộc là đặt lệnh theo từng mã cổ phiếu, i-Invest sử dụng phương thức quản lý và thực hiện mua bán theo danh mục đầu tư. Dựa vào nhu cầu, đặc điểm, mức độ ưa thích rủi ro của khách hàng, hệ thống i-Invest ngay lập tức đưa ra danh mục đầu tư phù hợp với kỳ vọng lợi nhuận tốt nhất cho khách hàng.

Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật danh mục trên i-Invest

Danh mục	Hiệu suất danh mục							
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
Chủ đề	Bảng bao gồm 4 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Chiến tranh thương mại	1.6%	-1.2%	-2.8%	0.9%	4.0%	15.7%	20.0%	132.5%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	1.4%	-0.5%	-1.1%	2.6%	9.6%	22.2%	58.4%	165.5%
Hàng tiêu dùng	1.0%	1.2%	3.6%	3.4%	9.5%	13.5%	75.0%	220.3%
BĐS & Khu công nghiệp	0.5%	1.2%	2.1%	1.3%	6.6%	4.1%	47.2%	105.8%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.8%	-0.3%	2.7%	0.3%	10.5%	5.0%	93.1%	150.3%
Dầu khí	-1.0%	-0.8%	1.6%	-0.1%	15.6%	14.7%	22.7%	-11.3%
* Note	Danh mục Chiến tranh thương mại gồm những công ty được hưởng lợi từ căng thẳng Mỹ - Trung hôm nay có hiệu suất tích cực +1.6% so với VN-Index nhờ chính sách thuế mới của Tổng thống Trump. Tuy nhiên điều này lại khiến hiệu suất danh mục Dầu khí giảm -1.0%.							
Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 11	0.4%	-0.6%	0.6%	-0.8%	6.7%	6.8%	98.0%	205.2%
Danh mục 9	0.1%	-0.6%	2.6%	2.4%	7.0%	13.1%	53.8%	133.2%
Danh mục 5	0.0%	-0.5%	3.9%	-0.2%	9.2%	9.2%	86.4%	158.8%
Danh mục 16	-0.6%	0.0%	3.0%	4.1%	6.9%	7.0%	72.3%	167.9%
Danh mục 7	-0.7%	-0.9%	3.0%	2.1%	5.5%	9.0%	50.4%	143.3%
* Note	Tuy hiệu suất ngày có sự phân hóa nhưng nhìn chung tất cả các danh mục đầu tư theo Mục tiêu đều có hiệu suất tháng khả quan.							
Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 25	0.5%	-0.5%	6.1%	10.6%	26.2%	44.5%	196.7%	256.9%
Danh mục 23	-0.1%	-0.7%	2.7%	-0.2%	7.3%	13.7%	126.3%	214.0%
Danh mục 22	-0.2%	-0.5%	4.9%	4.5%	11.2%	3.6%	64.7%	172.2%
Danh mục 24	-0.5%	-1.9%	4.3%	3.9%	13.8%	9.7%	69.6%	192.0%
Danh mục 20	-0.9%	-1.7%	1.9%	1.2%	2.7%	10.0%	21.0%	172.7%
* Note	Tất cả các danh mục đầu tư theo Rủi ro đều có mức hiệu suất tháng tích cực.							
INDEX								
VNINDEX	-0.6%	-0.2%	3.2%	1.7%	9.1%	3.9%	55.8%	66.9%
VN30INDEX	-0.2%	-0.3%	1.8%	-1.1%	3.0%	-5.6%	42.1%	39.4%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

